

TIÊU HÔI (Quả)

Tro toàn phần

Không quá 6,0 % (Phụ lục 9.8).

Tạp chất

Không quá 1,0 % (Phụ lục 12.11).

Chất chiết được trong dược liệu

Không dưới 20,0 %, tính theo dược liệu khô kiệt.

Tiến hành theo phương pháp ngâm lạnh (Phụ lục 12.10).

Dùng *ethanol* 50 % (TT) làm dung môi.

Chế biến

Tiền hồ phiến: Lấy rễ khô rửa sạch, bỏ hết tạp chất và rễ con, ủ mềm, thái phiến mỏng, phơi hoặc ở khoảng 70 °C đến sấy khô, dùng sống.

Tiền hồ tẩm mật ong sao: Cứ 10 kg Tiền hồ phiến dùng 2 kg Mật ong pha với 30 % nước sạch, tẩm đều dịch mật vào dược liệu, ủ 2 h. Sao nhỏ lửa cho đến khi có mùi thơm, cầm không dính tay là đạt. Tẩm mật ong sao tăng cường nhuận phế chỉ ho đối với ho khan lâu ngày không khỏi.

Bảo quản

Dược liệu chưa chế biến: Để nơi khô, mát, tránh mốc mọt. Dược liệu đã chế biến: Để trong đồ đựng kín, nơi khô ráo, nên dùng trong 30 ngày sau khi chế biến.

Tính vị, quy kinh

Vị đắng, tính hơi hàn. Vào các kinh phế, can, tỳ.

Công năng, chủ trị

Tán phong, trừ nhiệt, tiêu đờm, giáng khí. Chủ trị: Ho do phong nhiệt khí uất ở thượng tiêu, nhiều đờm, đờm vàng, suyễn thở đầy tức, nhiễm khuẩn đường hô hấp trên. Rễ Tiền hồ hoa tím và rễ Tiền hồ hoa trắng được cho là đều có tác dụng như nhau.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 6 g đến 12 g dạng thuốc sắc. Tán bột làm viên hoàn theo liều lượng của từng bài thuốc.

Kiêng kỵ

Không phải cảm phong tà thực nhiệt thì không dùng.

TIÊU HÔI (Quả)

Foeniculi Fructus

Tiểu hồi hương

Quả chín được làm khô của cây Tiểu hồi (*Foeniculum vulgare* Mill.), họ Hoa tán (Apiaceae). Thu hoạch vào mùa thu khi quả chín, cắt cả cây về phơi khô trong bóng râm, đập lấy quả, loại bỏ tạp chất.

Mô tả

Quả bế đôi, hình trụ, hơi cong, dài 4 mm đến 8 mm, đường kính 1,5 mm đến 2,5 mm. Mặt ngoài màu xanh hơi vàng hoặc vàng nhạt, hơi thuôn về phía 2 đầu, đỉnh mang chân vòi nhụy nhô ra, màu nâu vàng, đôi khi có cuống quả nhỏ ở phần đáy. Mỗi mặt lưng mang 5 gân nổi rõ và chỗ tiếp

DUỐC ĐIỂN VIỆT NAM VI

giáp giữa 2 nửa quả phẳng và rộng. Mặt cắt ngang hình 5 cạnh, bốn cạnh của mặt lưng gần đều nhau. Mùi thơm đặc trưng, vị hơi ngọt và cay.

Bột

Bột màu vàng bản, mùi thơm. Quan sát trên kính hiển vi thấy: Mảnh vỏ quả ngoài gồm tế bào hình đa giác. Mảnh vỏ quả giữa gồm tế bào có lỗ nằm xiên. Mảnh vỏ quả trong gồm nhiều tế bào dài không đều. Mảnh nội nhũ gồm các tế bào thành dày chứa hạt aleuron và các tinh thể calci oxalat nhỏ. Tinh thể calci oxalat hình cầu gai nằm rải rác. Mảnh mô mềm có ống tiết dài màu vàng hơi nâu. Mảnh mô mềm màu vàng nhạt gồm các tế bào hình đa giác thành mỏng.

Định tính

A. Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel G*.

Dung môi khai triển: *Ether dầu hỏa* (60 °C đến 90 °C) - *ethyl acetat* (17 : 2,5).

Dung dịch thử: Lấy 2 g bột dược liệu, thêm 20 ml *ether ethylic* (TT), siêu âm 10 min, lọc và bốc hơi dịch lọc đến cạn. Hòa lẫn trong 1 ml *cloroform* (TT) được dung dịch thử. **Dung dịch chất đối chiếu:** Hòa tan aldehyd anisic chuẩn trong *ethanol* (TT) để được dung dịch chứa 1 µg/ml.

Dung dịch dược liệu đối chiếu: Nếu không có aldehyd anisic chuẩn thì dùng 2 g bột Tiêu hồi (mẫu chuẩn), chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 10 µl mỗi dung dịch trên, triển khai sắc ký đến khi dung môi đi được khoảng 8 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng, phun *dung dịch dinitrophenylhydrazin* (TT). Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có vết màu đỏ cam tương đương về vị trí và cùng màu với vết của aldehyd anisic trên sắc ký đồ của dung dịch chất đối chiếu hoặc trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch dược liệu đối chiếu.

B. Cân 3 g dược liệu, thêm 10 ml *ethanol* 80 % (TT), ngâm 3 h, lắc, lọc, lấy dịch lọc làm các phản ứng sau:

Lấy 1 ml dịch lọc, thêm 0,5 ml *nước*, dung dịch đục trắng như sữa.

Lấy 1 ml dịch lọc, thêm 3 giọt *dung dịch sắt (III) clorid* 5 % (TT), dung dịch có màu vàng sẫm.

C. Quan sát dưới ánh sáng tử ngoại, mặt cắt ngang của quả, bột quả có màu trắng sáng.

Độ ẩm

Không quá 13,0 % (Phụ lục 12.13). Dùng 10 g dược liệu đã nghiền nhỏ.

Tạp chất

Không quá 4,0 % (Phụ lục 12.11).

Tro toàn phần

Không quá 10,0 % (Phụ lục 9.8).

Định lượng

Tiến hành theo phương pháp “Định lượng tinh dầu trong dược liệu” (Phụ lục 12.7). Cho 30 g dược liệu đã tán thành bột thô vào bình cầu có dung tích 500 ml của bộ dụng cụ dùng định lượng tinh dầu trong dược liệu. Thêm 200 ml nước, tiến hành cất trong 3 h.

Hàm lượng tinh dầu không ít hơn 1,5 %, tính theo dược liệu khô kiệt.

Chế biến

Điêm Tiểu hồi (Chế muối): Cừ 10 kg Tiểu hồi cần 200 g muối. Hòa muối vào một lượng nước thích hợp, trộn đều với dược liệu, ủ 2 h, cho vào nồi sao nhỏ lửa đến màu hơi vàng, lấy ra để nguội. Sao muối là để thuốc vào thận và bàng quang với nồng độ cao, kết quả điều trị tốt.

Tiểu hồi tẩm rượu sao: Lấy dược liệu khô loại bỏ tạp chất, sàng sây cho sạch cát bụi, cừ 1 kg Tiểu hồi dùng 400 ml rượu trắng 40°, tẩm đều, ủ 1 h cho thấm, cho vào chảo đun nhỏ lửa, sao đến khi có mùi thơm và Tiểu hồi ngả màu ngả vàng là đạt. Sao rượu dùng trị chứng hàn sán (thoát vị bẹn).

Bảo quản

Dược liệu chưa chế biến: Để nơi khô, mát.

Dược liệu đã chế biến: Để trong đồ đựng kín, tránh ẩm mốc, nên dùng trong 60 ngày sau khi chế biến.

Tính vị, quy kinh

Vị cay, tính ôn. Vào các kinh can, thận, tỳ, bàng quang.

Công năng, chủ trị

Khử hàn, trừ thấp, làm ấm đan điền (vị trí dưới rốn 3 thốn), lý khí, hòa vị. Chủ trị: Hàn sán, tinh hoàn thiên trụ. Bụng dưới (đan điền) lạnh, hành kinh đau bụng, thượng vị chướng đầy, màng tinh hoàn tích dịch, ăn kém, tiêu chảy.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 4 g đến 8 g, dạng thuốc sắc. Tán bột làm viên hoàn theo yêu cầu của bài thuốc.

Kiêng kỵ

Người âm hư hỏa vượng, bụng dưới không lạnh đau không được dùng.

TOÀN YẾT

Scorpio

Bọ cạp

Toàn yết là toàn thân đã chế biến và được làm khô của con Bọ cạp (*Buthus martensii* Karsch), họ Bọ cạp (Buthidae). Thường được bắt vào cuối mùa xuân đến đầu mùa thu. Sau khi bắt bọ cạp sống, chế biến theo hướng dẫn trong chuyên luận.

Mô tả

Phần đầu ngực và phần bụng trước dẹt, hình trứng dài. Phần bụng sau có hình giống cái đuôi, teo lại và uốn cong.

Cơ thể mẫu nguyên vẹn có chiều dài khoảng 6 cm. Phần đầu ngực có màu nâu hơi xanh lục, phần trước phát triển nhô ra 1 đôi chân kim nhỏ, ngắn và 1 đôi chân xúc giác dạng cang cua lớn dài, rộng, phần lưng được che phủ bởi mai giống hình chiếc thang, phần bụng có 4 đôi chân đi mỗi chân có 7 đốt kèm 2 vuốt ở phần cuối. Phần bụng trước bao gồm 7 đốt. Đốt thứ 7 thắm màu với 5 rãnh xương sống gồ lên ở trên đốt lưng. Mặt lưng có màu nâu hơi xanh lục. Phần bụng sau có màu vàng hơi nâu, có 6 đốt, với các nếp nhăn dọc trên các đốt. Đuôi mang một ngòi châm dạng vuốt sắc và không có cựa gai ở dưới ngòi châm. Mùi hơi hắc, có vị mặn.

Ghi chú: Nguyên cả con Bọ cạp đã phơi hoặc sấy khô, không vụn nát là loại tốt.

Chất chiết được bằng ethanol

Không được dưới 20,0 % (Phụ lục 12.10).

Tiến hành theo phương pháp chiết nóng, dùng ethanol 50 % (TT) làm dung môi.

Chế biến

Bọ cạp chế nhạt: Cho Bọ cạp sống vào nồi nước sôi, một lúc sau vớt ra, rửa sạch, phơi trong bóng râm cho khô dùng làm thuốc. Cho vào nước sôi để giết Bọ cạp và làm giảm bớt tính độc vì trước khi chết Bọ cạp tiết ra một phần dịch độc.

Bọ cạp chế muối (thường dùng): Ngâm Bọ cạp vào nước muối có nồng độ 50 % khoảng 6 h đến 8 h, sau đó đun sôi 15 min, vớt ra, phơi trong bóng râm cho khô. Phương pháp này làm giảm bớt độc tố của Bọ cạp và có tác dụng bảo quản dược liệu được lâu không bị biến chất.

Bảo quản

Để nơi khô mát, tránh mốc mọt, đậy thật kín. Nên dùng trong 6 tháng sau khi chế biến, nếu bảo quản tốt có thể dùng 24 tháng.

Tính vị, quy kinh

Vị mặn, hơi cay, tính bình, có độc. Vào kinh can.

Công năng, chủ trị

Trục phong, giãn kinh chống co giật. Chủ trị: Trị cấp kinh phong và mạn kinh phong, chống uốn ván khi lên cơn bất tỉnh, co giật, trợn mắt, méo miệng. Trị chứng bán thân bất toại.

Cách dùng, liều lượng

Người lớn: Ngày dùng từ 1 con đến 4 con, bỏ đầu và chân; nếu chỉ dùng đuôi thì 4 - 8 đuôi.

Trẻ em tùy độ tuổi: từ 1 - 2 con, bỏ đầu và chân; hoặc từ 2 - 4 đuôi.

Dạng thuốc sắc hoặc tán bột làm viên hoàn theo yêu cầu của bài thuốc.

Kiêng kỵ

Do huyết hư lên cơn co giật cấm dùng.